

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Dũng
Ông Nguyễn Văn Tám

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố - Vũng Tàu xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1039/2019/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐ -XX ngày 22 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên Tòa ngày 07-5-2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn B - sinh năm 1981;

Địa chỉ: 1410 - đường X, phường N, thành phố Y, tỉnh Z (có đơn xin vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1987;

Địa chỉ: 1382/72 A - đường X, phường N, thành phố Y, tỉnh Z (vắng mặt đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, anh Nguyễn Văn B có những yêu cầu sau:

Anh B và chị Nguyễn Thị H đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Z vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện. Quá trình sống chung anh B, chị H có với nhau 01 người con là Nguyễn Hồng Q - sinh ngày 18-8-2011. Anh B cho rằng kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được bốn năm. Cuộc sống chung giữa anh B và chị H không còn hạnh phúc bất

đầu từ năm 2013 nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, giữa anh B và chị H không còn tôn trọng nhau nữa và anh B, chị H đã sống ly thân nhau.

Nay anh B cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Thị H- sinh năm 1987.

Về con chung: Anh B, chị H có 01 con chung là Nguyễn Hồng Q - sinh ngày 18-8-2011. Anh B nhường quyền trực tiếp nuôi con cho chị H ;

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/1 tháng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H và con chị H, cháu Nguyễn Hồng Q được Tòa án nhân dân thành phố Y mời nhiều lần tới giải quyết vụ án nhưng chị H, cháu Q vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Y phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành và thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tại phiên Tòa thư ký và hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại điều 51, 63 BLTTDS. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại các điều 239, 243, 248, 249, 250 và 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 , điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị H không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B. Anh B được ly hôn với chị H.

Về con: Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hồng Q - sinh ngày 18-8-2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/1tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B và bị đơn chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại 1382/72 A - đường Z, phường N, thành phố Y, tỉnh Z, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Y; Căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 07-5-2020, Tòa án đưa vụ án ra xét xử chị H được triệu tập hợp lệ vắng mặt không lý do, nay chị H vắng mặt lần thứ hai không lý do; Căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H.

Ngày 13-01-2020, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lý do là Bộ đội hải quân thường xuyên phải trực chiến trên biển dài ngày. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn B.

Về nội dung:

[2] Ngày 22-01-2009, anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Z và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nên hôn nhân giữa anh B và chị H là đúng quy định của pháp luật.

Anh B cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh B cho rằng do vợ chồng không có sự gắn kết về tình cảm, bất đồng quan sống giữa anh B và chị H nay đã sống ly thân nhau.

Qua việc xác minh mâu thuẫn: Chính quyền địa phương cho biết chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại 1382/72 A - đường 30/4, phường N, thành phố Y, tỉnh Z từ năm 2009, nhưng khoản 02 năm gần đây giữa anh B và chị H xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do đâu thì không rõ. Anh B là lính Hải quân thường xuyên vắng nhà việc chăm sóc con Nguyễn Hồng Q do chị H thực hiện.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh B và chị H là có thật đúng như anh B và chính quyền địa phương nơi anh B và chị H cư trú, sinh sống cho biết. Do đó cuộc sống hôn nhân của anh B, chị H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh B, chị H không đạt được;

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B. Anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung : Anh B, chị H có 01 con chung Nguyễn Hồng Q - sinh ngày 18-8-2011. Anh B nhường quyền cho chị H tiếp tục được nuôi con.

Nhận định của Hội đồng xét xử: Kể từ khi anh B và chị H sống ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ tiếp tục giao cháu Nguyễn Hồng Q - sinh ngày 18-8-2011, cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh B cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị H căn cứ theo các điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hồng Q 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/1tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi cháu Nguyễn Hồng Q đủ 18 tuổi và nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo các quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí HNST: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002283 ngày 03-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Anh B đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84, 118 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 8, khoản 10 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân:

Tuyên xử: Anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung:

Tuyên xử: Giao con là cháu Nguyễn Hồng Q - sinh ngày 18-8-2011 cho chị Nguyễn Thị H là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh B cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hồng Q là 3.000.000 đ (Ba triệu đồng)/1 tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi cháu Nguyễn Hồng Q đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc cháu Ánh được nhận làm con nuôi.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí HNST: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002283 ngày 03-10-

2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Anh B đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng).

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT ;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu ;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu
- Ủy ban ND phường 12, Tp. Vũng Tàu
- Lưu hồ sơ./.